TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-4-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Hồng Tươi

2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 2006; CCCD: 075306016099; tạm trú: Tổ B, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1999; CCCD: 089099002317; tạm trú: Tổ B, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim N và ông Trịnh Văn T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang vào năm 2025. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống và làm việc tại địa bàn thành phố T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến

cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông T không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2025 cho đến nay. Bà N đã dọn về nhà mẹ ruột tại tỉnh Đồng Nai sinh sống từ cuối năm 2025 cho đến nay. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà N không còn tình cảm và không còn muốn chung sống với ông T nên yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn. Hiện bà N đang làm công nhân thu nhập hàng tháng từ 9 đến 10 triệu đồng/tháng. Hiện bà N đang ở cùng nhà mẹ ruột và em của bà N tại xã T, tỉnh Đồng Nai.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung, cháu Trịnh Trần K, sinh ngày 05/9/2025. Sau khi ly hôn, bà Trần Kim N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Trịnh Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên toà bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của bà N về thời gian tìm hiểu, thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Ông T xác định cuộc sống vợ chồng lúc mới cưới hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà N sau sinh con đòi đi làm nhưng ông T không cho nên hai vợ chồng xảy ra tranh cãi. Ngoài ra vợ chồng ông T không có mâu thuẫn gì khác. Ông T xác định bà N tự bỏ về nhà mẹ ruột từ cuối năm 2025 khi con chung mới được 4 tháng tuổi sinh sống cho đến nay. Quá trình bà N về nhà mẹ ruột sinh sống bà N chặn hết liên lạc với ông T nên ông T không có cách nào để liên hệ được với bà N. Ông T xác định hiện con còn nhỏ và còn tình cảm với bà N nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N mà mong muốn bà N suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng trường hợp bà N vẫn nhất quyết ly hôn thì ông T đồng ý nhưng phải để cho ông T được nuôi con chung. Hiện ông T đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng từ 10 đến 11 triệu đồng. Ông T đang ở trọ cùng cha mẹ và em ông T tại địa bàn phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của bà N, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung, cháu Trịnh Trần K, sinh ngày 05/9/2025. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà N và ông T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, xét mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ ông T nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Xét có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim N và ông Trịnh Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang vào năm 2025, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52, ngày 12/5/2025 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2025 cho đến nay. Trong suốt quá trình sống ly thân, hai vợ chồng không có liên hệ qua lại. Bà N xác định không còn tình cảm và không muốn chung sống với ông T. Ông T xác định còn tình cảm với bà N nhưng trường hợp bà N nhất quyết yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý. Xét mâu thuẫn của vợ chồng ông T, bà N diễn ra trong thời gian dài nhưng không có giải pháp gì để hàn gắn, hoà giải mâu thuẫn, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Xét, để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc, có sự chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng, tôn trọng và cùng nhau xây dựng gia đình. Bà N và ông T biết rõ mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà N và ông T đều có yêu cầu được nuôi con. Nhưng xét con chung của ông T và bà N hiện dưới 12 tháng tuổi, cần sự chăm sóc từ người mẹ. Mặt khác, về thu nhập và môi trường sống của bà N cũng đảm bảo cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tốt hơn ông T nên chấp nhận yêu cầu của bà N giao con chung cho bà N nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét mức cấp dưỡng như bà N yêu cầu là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Trần Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, ông Trịnh Văn T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Kim N được ly hôn với ông Trịnh Văn T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 12/5/2025 của UBND xã V, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang)).

2. Về con chung:

Buộc ông Trịnh Văn T giao con chung cháu Trịnh Trần K, sinh ngày 05/9/2025 cho bà Trần Kim N nuôi dưỡng.

Ông Trịnh Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau ly hôn, bà Trần Kim N và ông Trịnh Văn T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010438 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Ông Trịnh Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- PTHADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HSVA (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết